

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội  
Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam  
Quý cổ đông Công ty CP Nhựa Việt Nam**

Công ty: **CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

Trụ sở chính: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Tp.HCM

Điện thoại: 028 – 39453301 – 39453302

Fax: 028 – 39453298

Người thực hiện công bố thông tin/người được ủy quyền: Trịnh Thị Mai Hương

Địa chỉ: 224 – Tổ 4 – Phường Kiến Hưng – Quận Hà Đông – TP.Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0901367123

Fax: 028 – 39453298

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố).

Nội dung thông tin công bố:

1. Báo cáo tài chính bán niên năm 2024 sau kiểm toán của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính bán niên năm 2024 sau kiểm toán Hợp nhất của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam.
2. Công văn số 184/CV-NVN-TCKT ngày 28/08/2024 của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam về việc giải trình kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 so với 6 tháng đầu năm 2023 của báo cáo riêng, Hợp nhất và chênh lệch giữa báo cáo Công ty lập và báo cáo được soát xét.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 28/08/2024 tại đường dẫn: <http://vinaplast.com.vn/chuyen-muc/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 28 tháng 08 năm 2024

Người thực hiện công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên)



Trịnh Thị Mai Hương

Mẫu số 01-A

CÔNG TY CP NHỰA VIỆT NAM

Số: 185 /CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 28 tháng 08 năm 2024.

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2024 đã được kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:



1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

- Mã chứng khoán: **VNP**
- Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành – Phường 13 – Quận 4 – TP.HCM
- Điện thoại liên hệ/Tel: 028.39453301 Fax: 028.39453298
- Email: [vinaplast@vinaplast.com.vn](mailto:vinaplast@vinaplast.com.vn) Website: [www.vinaplast.com.vn](http://www.vinaplast.com.vn)

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2024 đã được kiểm toán

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☒ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:

☒ Có

☐ Không



Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:



Có



Không

- + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:



Có



Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:



Có



Không

- + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:



Có



Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:



Có



Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 28/08/2024 tại đường dẫn: <http://vinaplast.com.vn/chuyen-muc/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh>.



**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC bán niên năm 2024
- Văn bản giải trình số 184./CV-NVN-TCKT

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHAN TRUNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CP NHỰA VIỆT NAM**      **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 184/CV-NVN-TCKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2024

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024  
so với 6 tháng đầu năm 2023 của báo cáo riêng, Hợp nhất  
và chênh lệch giữa báo cáo Công ty lập và báo cáo được soát xét

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước**  
**Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội**

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ Phần Nhựa Việt Nam xin giải trình về kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 so với 6 tháng đầu năm 2023 của báo cáo riêng, Hợp nhất và chênh lệch giữa báo cáo Công ty lập và báo cáo được soát xét như sau:

**1/ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:**

**+ Đối với báo cáo tài chính Hợp Nhất:**

- Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2024 Công ty lập lãi: **13.358.706.928** đồng.

- Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2024 theo báo cáo đã được soát xét lãi: **12.653.702.934** đồng

Nguyên nhân chênh lệch là do trích lập bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại công ty con theo đánh giá lại từ phía kiểm toán nên làm phát sinh chênh lệch lợi nhuận trước và sau soát xét.

**2/ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:**

**+ Đối với báo cáo tài chính riêng của Công ty :**

- Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2024 lãi: **12.675.901.720** đồng

- Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2023 lãi: **2.693.528.180** đồng

**+ Đối với báo cáo tài chính Hợp Nhất:**

- Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2024 lãi: **12.653.702.934** đồng

- Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2023 lỗ: **(7.403.663.515)** đồng

Lợi nhuận tăng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do trong kỳ công ty hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Bên cạnh đó, các chi phí như chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đều giảm so với cùng kỳ năm trước.





**3/ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:**

**+ Đối với báo cáo tài chính Hợp Nhất:**

- Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2024 lãi: **12.653.702.934** đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2023 lỗ: **(7.403.663.515)** đồng

Nguyên nhân chủ yếu do trong kỳ công ty hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Bên cạnh đó, các chi phí như chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đều giảm so với cùng kỳ năm trước nên hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty lãi.

Công ty Cổ Phần Nhựa Việt Nam làm văn bản giải trình đề Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội được biết.

Trân trọng

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TCKT, VP

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**PHAN TRUNG NAM**



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024

Tháng 8 năm 2024



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 36

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Công ty.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Bà Lê Ngọc Diệp	Chủ tịch
Ông Phan Trung Nam	Thành viên
Bà Vũ Thị Minh Thục	Thành viên
Ông Bùi Quốc Thịnh	Thành viên độc lập
Ông Hoàng Minh Sơn	Thành viên độc lập

#### Ban Kiểm soát

Ông Võ Hoàng Anh Tuấn	Trưởng ban
Bà Đặng Sơn Nguyệt Thảo	Thành viên
Bà Lê Thị Lộc Uyên	Thành viên

#### Tổng Giám đốc

Ông Phan Trung Nam	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

#### Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Trung Nam - Tổng Giám đốc.

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Phan Trung Nam

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2024



Số: 293 /VACO/BCSX.NV2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 08 năm 2024, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (gọi chung là "Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ").

**Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Vấn đề cần nhấn mạnh*

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 31 trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ về sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán liên quan đến nợ vay quá hạn và vấn đề xử lý khoản nợ này của Công ty con - Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước.

Kết luận soát xét của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Chữ Mạnh Hoan**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2023-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024*

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>202.957.456.086</b>	<b>223.423.534.695</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>17.736.379.570</b>	<b>28.776.956.284</b>
1. Tiền	111		16.536.379.570	10.066.380.942
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.200.000.000	18.710.575.342
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>126.950.143.387</b>	<b>113.978.398.613</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	126.950.143.387	113.978.398.613
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>16.011.247.141</b>	<b>14.352.307.113</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	69.813.940.525	66.876.026.248
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		869.002.583	939.090.627
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		251.475.750	251.475.750
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	10.305.256.015	12.205.603.595
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(65.228.427.732)	(66.465.309.363)
6. Tài sản thừa chờ xử lý	139		-	545.420.256
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>33.363.923.461</b>	<b>55.419.385.330</b>
1. Hàng tồn kho	141		44.695.692.119	78.973.026.171
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(11.331.768.658)	(23.553.640.841)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.895.762.527</b>	<b>10.896.487.355</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	48.551.246	82.533.667
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.344.729.556	10.196.691.682
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	11	502.481.725	617.262.006
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>168.198.396.740</b>	<b>168.413.200.320</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>21.040.000.000</b>	<b>21.049.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	21.040.000.000	21.049.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.296.545.546</b>	<b>5.883.594.264</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	5.296.545.546	5.883.594.264
- Nguyên giá	222		129.538.345.206	129.538.345.206
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(124.241.799.660)	(123.654.750.942)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		3.057.090.120	3.057.090.120
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.057.090.120)	(3.057.090.120)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>134.607.542.692</b>	<b>134.061.335.810</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	14	134.607.542.692	134.061.335.810
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.254.308.502</b>	<b>7.419.270.246</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	7.254.308.502	7.419.270.246
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>371.155.852.826</b>	<b>391.836.735.015</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>76.942.103.498</b>	<b>110.276.688.621</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>76.826.603.498</b>	<b>110.161.188.621</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	2.572.181.415	2.030.665.020
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		861.008.792	1.105.416.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	10.048.666.332	10.300.245.975
4. Phải trả người lao động	314		174.634.435	1.152.093.753
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	2.550.730.572	2.923.745.540
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	2.679.866.681	2.774.907.028
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	57.141.830.877	88.390.222.578
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		797.684.394	1.483.892.727
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>115.500.000</b>	<b>115.500.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	115.500.000	115.500.000
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>294.213.749.328</b>	<b>281.560.046.394</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>294.213.749.328</b>	<b>281.560.046.394</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		194.289.130.000	194.289.130.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		194.289.130.000	194.289.130.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		199.031.463	199.031.463
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		99.728.344.654	87.070.456.606
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		87.070.456.606	97.640.327.517
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.657.888.048	(10.569.870.911)
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(2.756.789)	1.428.325
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>371.155.852.826</b>	<b>391.836.735.015</b>



Phan Trung Nam  
Tổng Giám đốc  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2024

Trần Thị Phụng  
Kế toán trưởng/Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		49.430.999.615	36.443.727.667
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		15.741.688	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	49.415.257.927	36.443.727.667
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	40.179.609.472	51.806.622.592
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		9.235.648.455	(15.362.894.925)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	2.985.562.977	7.435.207.440
7. Chi phí tài chính	22	25	1.898.505.425	2.675.885.515
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.841.285.665	2.672.100.365
8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	24	14	6.435.240.623	8.702.240.040
9. Chi phí bán hàng	25	26	1.500.813.503	1.849.934.572
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	2.996.646.213	3.617.991.354
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		12.260.486.914	(7.369.258.886)
12. Thu nhập khác	31		453.668.756	12.139.343
13. Chi phí khác	32		60.452.736	46.543.972
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		393.216.020	(34.404.629)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12.653.702.934	(7.403.663.515)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		12.653.702.934	(7.403.663.515)
18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		12.657.888.048	(7.339.585.619)
19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(4.185.114)	(64.077.896)
20. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	651	(378)



Phan Trung Nam  
Tổng Giám đốc  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2024

Trần Thị Phụng  
Kế toán trưởng/Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12.653.702.934	(7.403.663.515)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	713.380.794	688.851.833
- Các khoản dự phòng	03	(13.458.753.814)	13.754.092.383
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(213.541.935)	(2.777.137.456)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.194.970.665)	(4.528.175.320)
- Chi phí lãi vay	06	1.841.285.665	2.672.100.365
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(7.658.897.021)	2.406.068.290
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.281.979.943)	(12.370.391.801)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	34.277.334.052	8.794.115.497
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	957.789.516	3.380.255.133
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	72.612.089	25.975.523
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.264.504.977)	(2.676.152.681)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(491.112.079)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(686.208.333)	(653.121.208)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	22.416.145.383	(1.584.363.326)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(117.729.540.647)	(28.591.104.128)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	104.757.795.873	6.489.001.339
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.550.240.881	36.689.959.381
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.421.503.893)	14.587.856.592
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	588.446.727	13.566.173.889
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(31.749.405.886)	(16.118.748.509)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(31.160.959.159)	(2.552.574.620)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(11.166.317.669)	10.450.918.646
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	28.776.956.284	8.162.597.770
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	125.740.955	6.799.551
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	17.736.379.570	18.620.315.967



Phan Trung Nam  
Tổng Giám đốc  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2024

Trần Thị Phụng  
Kế toán trưởng/Người lập biểu



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước - Công ty Nhựa Việt Nam theo Quyết định số 2575/QĐ-BCN ngày 26 tháng 07 năm 2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và Quyết định số 4824/QĐ-BTC ngày 04 tháng 09 năm 2008 của Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300381966 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2008. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 29 tháng 09 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 28 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 40 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm từ nhựa;
- Đại lý, môi giới, đấu giá; Tổ chức sự kiện và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- In ấn, quảng cáo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Sản xuất các sản phẩm từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ hàng hoá trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tái chế phế liệu, nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ, vận tải hành khách đường bộ khác, bốc xếp hàng hoá;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm, bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).

Hoạt động chính của Công ty là Sản xuất và kinh doanh sản phẩm từ nhựa.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13,  
Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Cấu trúc doanh nghiệp**

Tên công ty	Nơi đăng ký và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
<b>Công ty con được hợp nhất</b>				
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước	Lô K-3-CN, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị trấn Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	99,52	99,52	Sản xuất sản phẩm từ plastic
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An	Số 18C Phạm Đình Hồ, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	100	100	Kinh doanh thương mại
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam	300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	100	100	Kinh doanh thương mại
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một	300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	100	100	Kinh doanh thương mại
<b>Công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu</b>				
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	320 Bến Vân Đồn, Phường 2, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	20,69	20,69	Sản xuất sản phẩm từ plastic
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem	Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương	27,51	27,51	Sản xuất hạt nhựa PVC
Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC VINA	KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	15	15	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: Nhựa PVC.

*Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam - Xí nghiệp Thương mại Dịch vụ Nhựa Số Một	403 Nguyễn Thái Bình, Phường 12, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại Hà Nội	Số 4 Vũ Ngọc Phan, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024.

**Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp) và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên, chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) *Các khoản đầu tư tài chính không có giá niêm yết trên thị trường, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này cho mục đích trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do Thông tư số 210/2009/TT-BTC, các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường;*
- b) *Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- c) *Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con do công ty mẹ kiểm soát được lập tại ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty mẹ và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc do đánh giá của Tổng Giám đốc, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.
- Thành phẩm: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất: Bao gồm:

- + Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước theo Hợp đồng thuê lại đất ngày 27 tháng 06 năm 2006 với Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP của Công ty mẹ. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- + Tiền thuê đất trả trước Lô K-3-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Tỉnh Bình Dương của Công ty con - Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng thời gian thuê là 540 tháng.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 38
Máy móc, thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định hữu hình khác	02 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

**Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng có thời hạn, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 25 năm.

**Chương trình phần mềm máy tính**

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian sử dụng hữu ích.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông theo Điều lệ của Công ty, và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia từ các đơn vị đầu tư.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các Bên liên quan của Công ty:

**Bên liên quan**

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước - Công ty TNHH  
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn  
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem  
Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina  
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, quản lý và các  
thành viên có quan hệ mật thiết với các thành viên này

**Mối quan hệ**

Cổ đông lớn  
Công ty liên kết  
Công ty liên doanh  
Công ty liên doanh  
Thành viên chủ chốt và các  
thành viên có quan hệ mật thiết

**Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	3.340.433.389	3.220.496.667
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.195.946.181	6.845.884.275
Các khoản tương đương tiền (i)	1.200.000.000	18.710.575.342
<b>Cộng</b>	<b>17.736.379.570</b>	<b>28.776.956.284</b>

**Ghi chú:**

- (i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng, lãi suất 3,5%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13,  
Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN**

Đây là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại các Ngân hàng có kỳ hạn gốc 06 tháng với lãi suất từ 4,2%/năm đến 4,6%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bình Dương với giá trị là 9.356.710.290 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 31.421.374.444 VND) được dùng để thế chấp cho các khoản mở L/C.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<i>a) Phải thu của khách hàng là bên liên quan</i>	<b>47.357.199.069</b>	<b>47.357.199.069</b>
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	47.357.199.069	47.357.199.069
<i>b) Phải thu của khách hàng khác</i>	<b>22.456.741.456</b>	<b>19.518.827.179</b>
Các đối tượng khác	22.456.741.456	19.518.827.179
<b>Cộng</b>	<b>69.813.940.525</b>	<b>66.876.026.248</b>

**7. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<i>a) Phải thu ngắn hạn khác</i>	<b>10.305.256.015</b>	<b>12.205.603.595</b>
<i>a1) Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan</i>	<b>8.042.245.272</b>	<b>8.586.561.531</b>
Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina - Lợi nhuận được chia	3.405.000.000	6.433.350.000
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem - Lợi nhuận được chia	4.137.313.272	1.653.279.531
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn - Cổ tức được chia	499.932.000	499.932.000
<i>a2) Phải thu ngắn hạn đối tượng khác</i>	<b>2.263.010.743</b>	<b>3.619.042.064</b>
Ký quỹ, ký cược	271.400.000	271.400.000
Lãi dự thu	230.987.294	1.588.177.602
Các khoản khác	1.760.623.449	1.759.464.462
<i>b) Phải thu dài hạn khác</i>	<b>21.040.000.000</b>	<b>21.049.000.000</b>
Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long (i)	21.000.000.000	21.000.000.000
Ký quỹ, ký cược	40.000.000	49.000.000

**Ghi chú:**

- (i) Đây là khoản góp vốn đầu tư vào Dự án “Trụ sở, văn phòng, trưng bày sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán cho cán bộ công nhân viên” tọa lạc tại số 360 đường Giải Phóng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội của Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long với số tiền góp vốn là 21 tỷ VND (bằng hình thức bù trừ công nợ). Dự án đã được phê duyệt đầu tư và xây dựng nhưng do tình hình tài chính khó khăn nên Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long đã ký Hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng toàn bộ phần góp vốn dự án cho Công ty Cổ phần Đông Thịnh Phát để tiếp tục thực hiện dự án. Tuy nhiên, do thay đổi một số thủ tục của dự án nên đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, dự án vẫn chưa hoàn tất việc chuyển nhượng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

8. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn - Bến liên quan	62.155.094.887	-	63.391.976.518	-
Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long	47.357.199.069	-	47.357.199.069	-
Các đối tượng khác	1.759.069.397	-	2.995.951.028	-
	13.038.826.421	-	13.038.826.421	-
b) Phải thu khác ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn - Bến liên quan	1.956.533.750	-	1.956.533.750	-
Các đối tượng khác	499.932.000	-	499.932.000	-
	1.456.601.750	-	1.456.601.750	-
c) Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Các đối tượng khác	251.475.750	-	251.475.750	-
	251.475.750	-	251.475.750	-
d) Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Các đối tượng khác	865.323.345	-	865.323.345	-
	865.323.345	-	865.323.345	-
Cộng	65.228.427.732	-	66.465.309.363	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**8. NỢ XẤU (TIẾP THEO)**

Tình hình biến động chi phí dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01/01	<u>66.465.309.363</u>	<u>67.963.284.871</u>
Trích dự phòng trong kỳ	-	1.065.177.596
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(1.236.881.631)	(1.814.165.350)
Tại ngày 30/06	<u>65.228.427.732</u>	<u>67.214.297.117</u>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	4.589.509.527	(2.056.747.442)	10.568.449.407	(5.095.688.895)
Công cụ, dụng cụ	90.000	-	90.000	-
Thành phẩm	11.901.641.462	(4.931.665.001)	13.302.336.537	(5.532.321.487)
Hàng hóa	28.204.451.130	(4.343.356.215)	55.102.150.227	(12.925.630.459)
<b>Cộng</b>	<u>44.695.692.119</u>	<u>(11.331.768.658)</u>	<u>78.973.026.171</u>	<u>(23.553.640.841)</u>

Trong kỳ, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 12.221.872.183 VND, tương ứng giá trị của các hàng hóa và thành phẩm dự phòng đã bán được trong kỳ.

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh tại công ty con được dùng để thế chấp đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Bình Dương. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, giá gốc hàng tồn kho của công ty con có giá trị là 16.491.240.989 VND.

Tình hình biến động chi phí dự phòng hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01/01	<u>23.553.640.841</u>	<u>7.967.646.003</u>
Trích dự phòng trong kỳ	-	14.503.080.137
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(12.221.872.183)	-
Tại ngày 30/06	<u>11.331.768.658</u>	<u>22.470.726.140</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>48.551.246</b>	<b>82.533.667</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	27.469.732
Chi phí trả trước khác	48.551.246	55.063.935
<b>b) Dài hạn</b>	<b>7.254.308.502</b>	<b>7.419.270.246</b>
Tiền thuê đất trả trước (i)	7.222.547.010	7.348.879.086
Chi phí trả trước khác	31.761.492	70.391.160

Ghi chú:

- (i) Trong đó, khoản tiền thuê đất trả trước tại Lô K-3-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Tỉnh Bình Dương với giá trị tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 1.795.357.339 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.826.451.631 VND) của Công ty con - Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước là quyền sử dụng đất đi thuê được dùng để thế chấp đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Bình Dương (xem Thuyết minh số 18).

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu trong kỳ	Số đã thực nộp/thu trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu</b>	<b>617.262.006</b>	<b>114.783.281</b>	<b>(3.000)</b>	<b>502.481.725</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	259.015.980	-	-	259.015.980
Thuế thu nhập cá nhân	5.488.745	5.488.745	(3.000)	3.000
Các loại thuế khác	350.083	-	-	350.083
Tiền thuê đất	352.407.198	109.294.536	-	243.112.662
<b>b) Phải nộp</b>	<b>10.300.245.975</b>	<b>1.147.618.699</b>	<b>(1.399.198.342)</b>	<b>10.048.666.332</b>
Thuế giá trị gia tăng	304.693.078	362.445.680	(620.998.135)	46.140.623
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	637.084.292	(637.084.292)	-
Thuế thu nhập cá nhân	8.636.688	144.088.727	(137.115.915)	15.609.500
Các loại thuế khác (i)	9.986.916.209	4.000.000	(4.000.000)	9.986.916.209

Ghi chú:

- (i) Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác thể hiện khoản phải nộp tiền thu sử dụng vốn từ năm 1996 đến năm 2001. Số tiền phải trả này Công ty đang xem xét xử lý theo Công văn số 6258/BCT-CNN ngày 24 tháng 06 năm 2015 của Bộ Công thương và Công văn số 3464/TC/TCT ngày 13 tháng 07 năm 1999 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty không phải nộp khoản tiền này mà phải ký hợp đồng giao nhận nợ và trả tiền thuê đất với ngân sách nhà nước theo đúng quy định hiện hành.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	2.646.960.000	410.130.120	3.057.090.120
Số dư cuối kỳ	2.646.960.000	410.130.120	3.057.090.120
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	2.646.960.000	410.130.120	3.057.090.120
Số dư cuối kỳ	2.646.960.000	410.130.120	3.057.090.120
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư đầu năm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với giá trị là 3.057.090.120 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ % vốn sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn (i)	20,69%	16.961.554.628		
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem (ii)	27,51%	15.279.075.966	16.961.554.628	-
Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina (iii)	15,00%	89.705.850.000	15.279.075.966	14.758.114.671
<b>Cộng</b>		<u>121.946.480.594</u>	<u>89.705.850.000</u>	<u>119.303.221.139</u>
<b>Ghi chú:</b>		<u>121.946.480.594</u>	<u>134.607.542.692</u>	<u>134.061.335.810</u>

(\*) Giá trị hợp lý:

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết này có thể khác so với giá trị ghi sổ.

Thông tin bổ sung:

- (i) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn với giá trị là 16.760.800.000 VND, chiếm tỷ lệ 20,69% tổng vốn điều lệ. Giá trị khoản đầu tư đã được đánh giá lại là 16.961.554.628 VND khi Công ty thực hiện cổ phần hóa. Báo cáo tài chính vào thời điểm gần nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đang thể hiện lỗ lũy kế vượt vốn chủ sở hữu rất lớn, theo đó, Công ty đang điều chỉnh giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu với giá trị điều chỉnh không vượt quá khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn. Ngày 26 tháng 01 năm 2021, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định về việc mở thủ tục phá sản đối với Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn.
- (ii) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem với giá trị là 789.061 USD, chiếm tỷ lệ 27,51% tổng vốn điều lệ. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem đang có lãi lũy kế.
- (iii) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina với giá trị là 5.250.000 USD, chiếm tỷ lệ 15% tổng vốn điều lệ. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina đang có lãi lũy kế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13,  
Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

Biến động của các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty liên doanh, liên kết trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01/01	<b>134.061.335.810</b>	<b>145.924.760.708</b>
Lợi nhuận được chia trong kỳ	(5.889.033.741)	(18.577.059.918)
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết trong kỳ	6.435.240.623	8.702.240.040
Tại ngày 30/06	<b>134.607.542.692</b>	<b>136.049.940.830</b>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>
	<u>VND</u>	<u>trả nợ</u>	<u>VND</u>	<u>trả nợ</u>
Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa	718.219.061	718.219.061	-	-
Công ty TNHH Nhựa Titan Việt Nam	426.087.515	426.087.515	426.087.515	426.087.515
Các đối tượng khác	1.427.874.839	1.427.874.839	1.604.577.505	1.604.577.505
<b>Cộng</b>	<b>2.572.181.415</b>	<b>2.572.181.415</b>	<b>2.030.665.020</b>	<b>2.030.665.020</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	786.065.488	1.209.653.238
Các khoản trích trước khác	1.764.665.084	1.714.092.302
<b>Cộng</b>	<b>2.550.730.572</b>	<b>2.923.745.540</b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a) Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>2.679.866.681</b>	<b>2.774.907.028</b>
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm	56.041.140	80.525.422
Nhận ký quỹ, ký cược	444.828.800	444.828.800
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ P-Care Việt Nam	1.105.416.000	-
Tài sản thừa chờ xử lý	-	990.618.759
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.073.580.741	1.258.934.047
<b>b) Phải trả dài hạn khác</b>	<b>115.500.000</b>	<b>115.500.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	115.500.000	115.500.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II (i)	74.385.955.710	74.385.955.710	330.995.405	(28.606.442.036)	46.110.509.079	46.110.509.079
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Bình Dương (ii)	13.604.266.868	13.604.266.868	588.446.727	(3.561.391.797)	10.631.321.798	10.631.321.798
Ông Nguyễn Hoàng Huy (iii)	400.000.000	400.000.000	-	-	400.000.000	400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>88.390.222.578</b>	<b>88.390.222.578</b>	<b>919.442.132</b>	<b>(32.167.833.833)</b>	<b>57.141.830.877</b>	<b>57.141.830.877</b>

Ghi chú:

- (i) Đây là khoản vay theo Hợp đồng vay dài hạn số 01/2006/HDTD-ODA-TDTW1 ký kết với Quỹ hỗ trợ phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II) với số tiền là 49.010.105 CNY để đầu tư xây chuyển thiết bị sản xuất khuôn mẫu và trực in dự án, thời hạn vay 15 năm, trong đó có 05 năm ân hạn từ ngày hiệp định có hiệu lực do Bộ Tài chính thông báo lãi suất vay là 3,2%/năm tính trên dư nợ vay. Tuy nhiên, đối với khoản vay quá hạn Công ty ghi nhận chi phí lãi vay với lãi suất 4,8%/năm, tương ứng lãi phạt chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay tính trên số nợ. Khoản vay được trả nhiều lần từ ngày 10 tháng 09 năm 2011 đến ngày 10 tháng 03 năm 2021. Khoản vay được đảm bảo bằng Máy móc, thiết bị và Phương tiện vận tải, truyền dẫn (như trình bày tại Thuyết minh số 12).
- Khoản vay đã quá hạn thanh toán, theo Công văn số 6258/BTC-CNN ngày 24 tháng 06 năm 2016 của Bộ Công thương và Công văn số 1737/NHPT-VNN ngày 17 tháng 04 năm 2015 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II gửi Bộ Tài chính về việc kiến nghị tháo gỡ khó khăn cho Công ty, đề nghị cho Công ty được khoan nợ 3 năm không tính lãi đối với khoản vay ODA (từ năm 2014 đến năm 2016); Cho phép trích khấu hao cơ bản theo kế ước vay vốn ODA đối với các thiết bị đã mua từ 12 năm lên 15 năm; Chênh lệch tỷ giá phát sinh khoản vay vốn ODA được phân bổ dần vào chi phí hợp với ký trả nợ vốn vay. Tuy nhiên, kiến nghị này không được Bộ Tài chính xem xét xử lý, vì vậy dự án vẫn tiếp tục trả nợ theo Hợp đồng tín dụng. Vào ngày 31 tháng 03 năm 2022 đã có buổi làm việc giữa các bên là Bộ Tài chính, Ngân hàng (Cơ quan ủy quyền cho vay lại), Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II và Công ty để xem xét giải quyết vấn đề về nợ quá hạn này. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có kết luận giải quyết trong buổi làm việc. Số dư nợ gốc quá hạn chưa thanh toán tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 13.812.434,59 CNY tương đương 46.110.509.079 VND.

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Bình Dương của Công ty con - Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước theo Hợp đồng cấp tín dụng số 056A23/BDD ngày 24 tháng 11 năm 2023 để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay 8%/năm và điều chỉnh thành 6,8% đối với các khoản vay phát sinh từ tháng 11 năm 2023. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/005TT23 ngày 24 tháng 11 năm 2023, máy móc thiết bị theo Hợp đồng số 517TC23 ngày 24 tháng 11 năm 2023 và hàng hóa luân chuyển theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/708TC22 ngày 24 tháng 11 năm 2023 (xem Thuyết minh số 9, 10 và 12).



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM  
300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13,  
Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

MẪU SỐ B 09a-DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

(iii) Khoản vay ngắn hạn từ Ông Nguyễn Hoàng Huy theo Hợp đồng mượn tiền số 2023/2023/HĐVT-NVP ngày 20 tháng 3 năm 2023. Khoản vay không quy định lãi suất và thời hạn vay.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	VND	VND	VND	VND	VND
Lỗi trong năm	194.289.130.000	199.031.463	98.885.327.517	76.518.794	293.450.007.774
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(10.569.870.911)	(75.090.469)	(10.644.961.380)
Số dư cuối năm trước	-	-	(1.245.000.000)	-	(1.245.000.000)
Lãi trong kỳ	194.289.130.000	199.031.463	87.070.456.606	1.428.325	281.560.046.394
Số dư cuối kỳ này	-	-	12.657.888.048	(4.185.114)	12.653.702.934
	194.289.130.000	199.031.463	99.728.344.654	(2.756.789)	294.213.749.328

Vốn điều lệ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, chi tiết vốn điều lệ đã được góp như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước - Công ty TNHH	12.794.342	65,9%	12.794.342	65,9%
Các cổ đông khác	6.634.571	34,1%	6.634.571	34,1%
Cộng	19.428.913	100%	19.428.913	100%



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

*Cổ phiếu*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.428.913	19.428.913
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành	19.428.913	19.428.913
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.428.913	19.428.913

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Ngoại tệ các loại*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
USD	345.611,44	75.793,08

**21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	45.005.557.997	32.346.644.522
Doanh thu bán thành phẩm	2.819.720.853	2.095.900.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.605.720.765	2.001.183.145
<b>Cộng</b>	<b>49.430.999.615</b>	<b>36.443.727.667</b>

*Các khoản giảm trừ doanh thu*

Hàng bán bị trả lại	15.741.688	-
---------------------	------------	---

<b>Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>	<b>49.415.257.927</b>	<b>36.443.727.667</b>
--	-----------------------	-----------------------

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	49.282.076.578	30.289.468.964
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.092.891.232	6.984.427.686
Giá vốn cung cấp dịch vụ đã cung cấp	26.513.847	29.645.805
Trích/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12.221.872.185)	14.503.080.137
<b>Cộng</b>	<b>40.179.609.472</b>	<b>51.806.622.592</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	831.972.426	4.365.331.184
Chi phí nhân công	3.095.610.657	4.032.332.553
Chi phí khấu hao tài sản cố định	713.380.794	688.851.833
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.027.616.481	2.605.709.665
Chi phí khác	(4.092.008.579)	11.049.584.842
<b>Cộng</b>	<b>2.576.571.779</b>	<b>22.741.810.077</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.759.730.042	4.528.175.320
Lãi chênh lệch tỷ giá	225.832.935	2.907.032.120
<b>Cộng</b>	<b>2.985.562.977</b>	<b>7.435.207.440</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.841.285.665	2.672.100.365
Lỗ chênh lệch tỷ giá	57.219.760	3.785.150
<b>Cộng</b>	<b>1.898.505.425</b>	<b>2.675.885.515</b>

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
<i>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>		
Chi phí nhân viên	465.310.826	615.230.666
Chi phí khấu hao TSCĐ	36.742.224	36.742.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	931.068.073	1.155.324.278
Các khoản chi phí bán hàng khác	67.692.380	42.637.404
<b>Cộng</b>	<b>1.500.813.503</b>	<b>1.849.934.572</b>

*b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ*

Chi phí nhân viên	2.442.715.772	2.342.649.769
Chi phí khấu hao TSCĐ	94.211.600	94.211.600
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng	(1.229.069.631)	(748.987.754)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	953.433.798	1.084.705.520
Các khoản chi phí QLDN khác	735.354.674	845.412.219
<b>Cộng</b>	<b>2.996.646.213</b>	<b>3.617.991.354</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thông thường với tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	12.657.888.048	(7.339.585.619)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.657.888.048	(7.339.585.619)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	19.428.913	19.428.913
<b>Lãi/ (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>651</b>	<b>(378)</b>

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	57.141.830.877	88.390.222.578
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(17.736.379.570)	(28.776.956.284)
Nợ thuần	39.405.451.307	59.613.266.294
Vốn chủ sở hữu	294.213.749.328	281.560.046.394
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>13,39%</b>	<b>21,17%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13,  
Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

**MÃ SỐ B 09a-DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Các loại công cụ tài chính**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.736.379.570	17.736.379.570	28.776.956.284	28.776.956.284
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	126.950.143.387	126.950.143.387	113.978.398.613	113.978.398.613
Phải thu khách hàng và phải thu khác	37.047.567.903	37.047.567.903	34.782.119.575	34.782.119.575
<b>Tổng cộng</b>	<b>181.734.090.860</b>	<b>181.734.090.860</b>	<b>177.537.474.472</b>	<b>177.537.474.472</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	57.141.830.877	57.141.830.877	88.390.222.578	88.390.222.578
Phải trả người bán và Phải trả khác	5.311.506.956	5.311.506.956	4.840.546.626	4.840.546.626
Chi phí phải trả	2.550.730.572	2.550.730.572	2.923.745.540	2.923.745.540
<b>Tổng cộng</b>	<b>65.004.068.405</b>	<b>65.004.068.405</b>	<b>96.154.514.744</b>	<b>96.154.514.744</b>

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo như Thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.736.379.570	-	17.736.379.570
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	126.950.143.387	-	126.950.143.387
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.007.567.903	21.040.000.000	37.047.567.903
<b>Tổng cộng</b>	<b>160.694.090.860</b>	<b>21.040.000.000</b>	<b>181.734.090.860</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Các khoản vay	57.141.830.877	-	57.141.830.877
Phải trả người bán và Phải trả khác	5.311.506.956	-	5.311.506.956
Chi phí phải trả	2.550.730.572	-	2.550.730.572
<b>Tổng cộng</b>	<b>65.004.068.405</b>	<b>-</b>	<b>65.004.068.405</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>95.690.022.455</b>	<b>21.040.000.000</b>	<b>116.730.022.455</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13,  
Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.776.956.284	-	28.776.956.284
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	113.978.398.613	-	113.978.398.613
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.733.119.575	21.049.000.000	34.782.119.575
<b>Tổng cộng</b>	<b>156.488.474.472</b>	<b>21.049.000.000</b>	<b>177.537.474.472</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Các khoản vay	88.390.222.578	-	88.390.222.578
Phải trả người bán và Phải trả khác	4.725.046.626	115.500.000	4.840.546.626
Chi phí phải trả	2.923.745.540	-	2.923.745.540
<b>Tổng cộng</b>	<b>96.039.014.744</b>	<b>115.500.000</b>	<b>96.154.514.744</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>60.449.459.728</b>	<b>20.933.500.000</b>	<b>81.382.959.728</b>

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp, Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, ngoài các số dư với các bên liên quan tại các Thuyết minh số 6, 7, 8 và 14 và 19, Công ty còn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
<b>Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem</b>		
Phân phối lợi nhuận	2.484.033.741	-
Doanh thu hoa hồng	753.331.535	830.823.457
Thu tiền doanh thu hoa hồng	684.846.850	-
Lợi nhuận được chi trả	-	5.028.309.918
<b>Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina</b>		
Lợi nhuận được chi trả	6.433.350.000	33.798.750.000
Phân phối lợi nhuận	3.405.000.000	13.548.750.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

*Thu nhập và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành được hưởng trong kỳ như sau:*

STT	Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)
			VND	VND
<b>I/ Thù lao Hội đồng Quản trị</b>			<b>118.200.000</b>	<b>154.800.000</b>
1	Bà Lê Ngọc Diệp	Chủ tịch	22.200.000	42.000.000
2	Ông Phan Trung Nam	Thành viên	30.000.000	30.000.000
3	Bà Vũ Thị Minh Thục	Thành viên	30.000.000	30.000.000
4	Ông Bùi Quốc Thịnh	Thành viên độc lập	18.000.000	18.000.000
5	Ông Hoàng Minh Sơn	Thành viên độc lập	18.000.000	18.000.000
6	Ông Vũ Hân	Thành viên độc lập (miễn nhiệm ngày 19 tháng 06 năm 2023)	-	16.800.000
<b>II/ Ban kiểm soát</b>			<b>278.512.121</b>	<b>145.431.212</b>
<b>III/ Ban điều hành</b>			<b>930.100.000</b>	<b>802.815.000</b>
<b>Tổng cộng</b>			<b>1.326.812.121</b>	<b>1.103.046.212</b>

**31. SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngày 12 tháng 08 năm 2024, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Bình Dương đã ra Thông báo số 208/BBD-KH về dư nợ quá hạn của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước - Công ty con của Công ty ("Công ty Việt Phước") với giá trị là 9.978.991.892 VND đã thuộc nhóm nợ xấu; tại Thông báo, Ngân hàng đề nghị thực hiện xử lý nợ theo quy định tại các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp mà hai bên đã ký. Đến hiện tại, Công ty và Công ty Việt Phước đang tích cực phối hợp trao đổi với Ngân hàng để có phương án nhanh chóng xử lý hàng tồn kho tồn đọng nhằm tạo luồng tiền thanh toán nợ vay cho Ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13,  
Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

“Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia” không bao gồm số tiền 6.120.021.035 VND là khoản tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia phát sinh trong kỳ này chưa thu được, nhưng đã bao gồm 8.021.527.602 VND là số tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia phát sinh trong năm trước đã thu được trong kỳ này. Theo đó, một khoản tiền tương ứng với số chênh lệch đã được điều chỉnh trên khoản mục “Tăng, giảm các khoản phải thu”.

“Tiền lãi vay đã trả” không bao gồm 786.433.926 VND là khoản lãi vay phát sinh trong kỳ này nhưng chưa thanh toán, nhưng đã bao gồm 1.209.653.238 VND là khoản lãi vay phát sinh trong năm trước đã được thanh toán trong kỳ này. Theo đó, một khoản tiền tương ứng với số chênh lệch đã được điều chỉnh trên khoản mục “Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)”.



**Phan Trung Nam**  
**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2024

**Trần Thị Phụng**

**Kế toán trưởng/Người lập biểu**